

Số: 3315/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BNV ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi Thông tư số 03/2013/TT-BNV; Thông tư số 01/2022/TT-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-BNV;

Căn cứ Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2023 của UBND Thành phố về việc cho phép thành lập Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội;

Xét Văn bản số 01/BC/HKF ngày 05/5/2023, hồ sơ báo cáo kết quả Đại hội thành lập và đề nghị phê duyệt Điều lệ của Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Văn bản số 2150/SVHTT-TCPC ngày 12/6/2023 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1690/TTr-SNV ngày 14/6/2023 về việc phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội đã được Đại hội thành lập Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội, nhiệm kỳ 2023 - 2028 thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Văn hóa và Thể thao; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an Thành phố;
- VP UBND TP: PCVP Cù Ngọc Trang, NC;
- Lưu: VT, NC.

30742 - 4

R

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ

Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3315 /QĐ-UBND
ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: Hanoi Karatedo Federation.
- Tên viết tắt: HKF.
- Liên đoàn có biểu tượng (logo) riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Liên đoàn) là tổ chức xã hội tự nguyện của các câu lạc bộ, võ đường, võ sinh, tổ chức, công dân Việt Nam đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tham gia giảng dạy, tập luyện, thi đấu và những hoạt động liên quan đến môn võ Karatedo; tự nguyện gia nhập Liên đoàn, tuân thủ Điều lệ, quy chế hoạt động của Liên đoàn, góp phần xây dựng Liên đoàn phát triển ổn định, bền vững.

2. Liên đoàn hoạt động nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, thu hút quần chúng nhân dân tham gia tập luyện môn võ Karatedo để nâng cao sức khỏe, rèn luyện ý chí, rèn luyện phẩm chất; phát hiện và phát triển những tài năng Karatedo để bồi dưỡng, huấn luyện và cử tham gia các giải đấu, góp phần nâng cao vị thế, thành tích thi đấu môn võ Karatedo của thành phố Hà Nội trên đấu trường quốc gia, quốc tế.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

- Liên đoàn có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng.
- Trụ sở của Liên đoàn đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội hoạt động trên phạm vi thành phố Hà Nội, trong lĩnh vực môn võ Karatedo.

2. Liên đoàn hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Liên đoàn được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt; chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 6. Ngôn ngữ

Ngôn ngữ chính thức của Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội là tiếng Việt, ngôn ngữ giao dịch quốc tế là tiếng Anh. Các văn bản chính thức được làm bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có giá trị pháp lý như nhau.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 7. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích hoạt động của Liên đoàn; quảng bá nhằm xây dựng uy tín, thương hiệu của Liên đoàn, uy tín của hội viên theo quy định của pháp luật.

2. Đại diện cho hội viên trong mỗi quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật. Được tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn.

7. Được thành lập pháp nhân thuộc Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Liên đoàn hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Liên đoàn mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Liên đoàn quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo UBND Thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan.

8. Được gây quỹ Liên đoàn trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ các hoạt động, tổ chức các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động của Liên đoàn.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với

những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

10. Được đăng cai tổ chức các giải thi đấu môn võ Karatedo khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc giao nhiệm vụ.

11. Được gia nhập làm thành viên của Liên đoàn Karatedo Việt Nam theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm báo cáo UBND Thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan về việc gia nhập trên.

12. Được khen thưởng các tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Liên đoàn, những người làm việc tại Liên đoàn khi có thành tích xuất sắc trong công tác, có đóng góp xây dựng Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn và quy định pháp luật; đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng những đối tượng trên theo quy định pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Liên đoàn. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Liên đoàn đã được UBND Thành phố phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Liên đoàn để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Liên đoàn; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Liên đoàn nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Liên đoàn, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Liên đoàn.

4. Đại diện hội viên tham gia kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp để xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho Liên đoàn; thu hút nguồn tài trợ trong và ngoài nước để tạo nguồn kinh phí cho các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội để:

a) Phát triển phong trào tập luyện môn võ Karatedo để hướng tới đông đảo quần chúng, đặc biệt là thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang tham gia luyện tập, góp phần nâng cao sức khỏe, rèn luyện phẩm chất, ý chí, đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội ngày càng phát triển;

b) Xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng Karatedo ở nhiều lứa tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng để cấp chứng chỉ cho huấn luyện viên, trọng tài môn Karatedo theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền; xây dựng kế hoạch sử dụng có hiệu quả đội

ngũ này;

d) Có ý kiến về việc triệu tập các vận động viên, huấn luyện viên tham gia các đội tuyển võ Karatedo của Thành phố; cử các huấn luyện viên, trọng tài đi học tập, tập huấn, thi đấu ở trong và ngoài nước khi được cơ quan quản lý nhà nước đề nghị.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Liên đoàn.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Liên đoàn theo đúng quy định của pháp luật.

9. Biên soạn và phổ biến các tài liệu nhằm tuyên truyền, giới thiệu về văn hóa của môn võ Karatedo theo quy định của pháp luật.

10. Hàng năm thực hiện báo cáo về tổ chức và hoạt động của Liên đoàn với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ theo quy định pháp luật về hội. Khi có thay đổi về nhân sự lãnh đạo Liên đoàn, thay đổi trụ sở Liên đoàn, pháp nhân thuộc Liên đoàn thì Liên đoàn phải thực hiện báo cáo cơ quan có nhà nước nước có thẩm quyền.

11. Thực hiện hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn; giữa các hội viên, huấn luyện viên và các tổ chức thành viên thuộc Liên đoàn; báo cáo việc giải quyết với Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Liên đoàn gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

1. Hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam đang sinh sống, làm việc hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, hoạt động trong lĩnh vực môn võ Karatedo và các lĩnh vực có liên quan đến võ Karatedo, tán thành Điều lệ Liên đoàn, tự nguyện gia nhập Liên đoàn, đóng hội phí theo quy định đều có thể trở thành hội viên chính thức của Liên đoàn.

b) Hội viên tổ chức: Các tổ chức, câu lạc bộ, võ đường Karatedo hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, thừa nhận và chấp hành Điều lệ của Liên đoàn, đóng hội phí theo quy định của Liên đoàn thì được Ban Chấp hành công nhận là hội viên của Liên đoàn; đại diện các tổ chức gia nhập Liên đoàn phải là công dân Việt Nam.

2. Hội viên liên kết: Tổ chức, công dân Việt Nam có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của Liên đoàn, thường xuyên phối hợp với Liên đoàn để thực hiện các chương trình, hoạt động do Liên đoàn tổ chức, nếu tự nguyện xin gia nhập, chấp hành Điều lệ của Liên đoàn và đóng phí thì có thể trở thành hội viên liên kết của Liên đoàn.

3. Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam có nhiều thành tích và đóng góp cho việc phát triển môn võ Karatedo, tuân thủ Điều lệ Liên đoàn thì có thể được Ban Chấp hành Liên đoàn công nhận là hội viên danh dự.

Điều 10. Quyền của hội viên

1. Được Liên đoàn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Liên đoàn cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn, được tham gia các hoạt động do Liên đoàn tổ chức. Được sử dụng hình ảnh và thông tin về Liên đoàn trên cơ sở cho phép của Liên đoàn để thực hiện công tác quảng bá và tuyên truyền cho tổ chức của mình.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên đoàn.

4. Được dự Đại hội, được ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Liên đoàn theo quy định của Liên đoàn.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Liên đoàn.

7. Được cấp thẻ hội viên của Liên đoàn.

8. Được quyền xin ra khỏi Liên đoàn.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Liên đoàn và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra của Liên đoàn.

Điều 11. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Liên đoàn.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Liên đoàn; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Liên đoàn phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Liên đoàn, không được nhân danh Liên đoàn trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên đoàn phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Liên đoàn.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Liên đoàn.

Điều 12. Thủ tục gia nhập Liên đoàn, thủ tục ra khỏi Liên đoàn

1. Thủ tục gia nhập Liên đoàn:

Tổ chức, công dân Việt Nam muốn gia nhập Liên đoàn phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Thủ tục ra khỏi Liên đoàn:

a) Khi hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Liên đoàn phải có đơn gửi Ban Chấp hành nêu rõ lý do, Ban Chấp hành Liên đoàn xem xét, quyết định.

b) Hội viên hoạt động trái với Pháp luật Việt Nam, trái với Điều lệ Liên đoàn, không chấp hành Nghị quyết, vi phạm các quy định của Liên đoàn thì Ban

Chấp hành xem xét thi hành kỷ luật, khai trừ hội viên ra khỏi Liên đoàn.

c) Việc hội viên xin ra khỏi Liên đoàn hoặc bị khai trừ ra khỏi Liên đoàn phải được thông báo cho toàn thể hội viên biết.

3. Tư cách hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân bị mất quyền công dân;

b) Cá nhân không còn mang quốc tịch Việt Nam;

c) Hội viên cá nhân từ trần;

d) Hội viên cá nhân mất tích (theo xác định của cơ quan có thẩm quyền);

đ) Pháp nhân, tổ chức bị giải thể, bị phá sản.

4. Giao Ban Chấp hành quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, chấm dứt tư cách, xóa tên hội viên phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức của Liên đoàn

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Liên đoàn.

Điều 14. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên đoàn là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận, góp ý kiến và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo của Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Liên đoàn.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Liên đoàn (nếu có).

c) Thảo luận, thông qua mức đóng hội phí;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 15. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu trong số các hội viên của Liên đoàn; nhân sự bầu vào Ban Chấp hành khóa mới do Ban Chấp hành khóa cũ chuẩn bị và nhân sự được đề cử tại Đại hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn, lãnh đạo mọi hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Liên đoàn;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Liên đoàn; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Liên đoàn; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế đạo đức của hội viên; các quy định khác trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với quy định của Điều lệ Liên đoàn và quy định của pháp luật; xem xét, quyết định kết nạp hội viên;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, Tổng Thư ký; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Quyết định mức thu lệ phí gia nhập Liên đoàn và các khoản thu khác đối với hội viên;

f) Định kỳ báo cáo kế hoạch công tác với Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ và khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động nguyên tắc tập thể, theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc lựa chọn hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành. Cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Ban Thường vụ Liên đoàn gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và một số Ủy viên. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Liên đoàn; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Liên đoàn giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức cơ sở thuộc Liên đoàn theo Nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức cơ sở thuộc Liên đoàn.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn;

b) Ban Thường vụ họp 06 (sáu) tháng 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên đoàn hoặc đề nghị của trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc lựa chọn hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Liên đoàn do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Liên đoàn. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số Ủy viên. Trưởng ban Kiểm tra, Phó ban Kiểm tra được Ban Kiểm tra bầu trong số các Ủy viên Ban Kiểm tra bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Liên đoàn, Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các Quy chế của

Liên đoàn trong hoạt động của các cơ quan chuyên trách và tổ chức trực thuộc Liên đoàn, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Liên đoàn;

c) Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra đề xuất, Ban Chấp hành thông qua, Chủ tịch Liên đoàn ban hành, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Liên đoàn là đại diện pháp luật của Liên đoàn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Liên đoàn được Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn. Tiêu chuẩn Chủ tịch do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Liên đoàn:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Liên đoàn, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Liên đoàn, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn về mọi hoạt động của Liên đoàn. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Liên đoàn theo quy định Điều lệ Liên đoàn đã được phê duyệt; Nghị quyết Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên đoàn;

c) Chỉ đạo triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Liên đoàn;

đ) Khi Chủ tịch Liên đoàn vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Liên đoàn được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Liên đoàn.

3. Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Liên đoàn do Ban Chấp hành Liên đoàn quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Liên đoàn chỉ đạo, điều hành công tác của Liên đoàn theo sự phân công của Chủ tịch Liên đoàn; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Liên đoàn và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Liên đoàn phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Liên đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Liên đoàn và quy định pháp luật.

Điều 19. Tổng Thư ký

1. Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành;

2. Nhiệm vụ của Tổng Thư ký:

a) Chịu sự lãnh đạo và phân công của Chủ tịch Liên đoàn; giúp Chủ tịch và Ban Thường vụ chuẩn bị các văn bản, nội dung cho các cuộc họp Ban Thường vụ,

Ban Chấp hành.

b) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch Liên đoàn và pháp luật về những nhiệm vụ được Chủ tịch phân công;

c) Trực tiếp điều hành hoạt động của Văn phòng, phối hợp với các ban chức năng của Liên đoàn để tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các nội dung hoạt động của Liên đoàn; giải quyết các công việc thường xuyên của Liên đoàn;

d) Được Chủ tịch ủy quyền ký một số văn bản sau khi được Thường vụ Liên đoàn thông qua.

Điều 20. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Ban Chấp hành Liên đoàn căn cứ vào yêu cầu và nhiệm vụ để xem xét, quyết định thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

2. Văn phòng do Tổng Thư ký điều hành; tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành; Văn phòng có quan hệ chặt chẽ với các ban chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Liên đoàn.

3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban chuyên môn do Ban Chấp hành đề nghị trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; các Phó Trưởng ban chuyên môn do Trưởng ban đề nghị, được Ban Thường vụ thông qua.

4. Ban Chấp hành quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng và các ban chuyên môn.

Điều 21. Tổ chức cơ sở thuộc Liên đoàn

1. Liên đoàn được thành lập các chi hội, phân hội, tổ hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc Liên đoàn), hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

2. Ban Chấp hành ban hành Quy chế hoạt động của các tổ chức cơ sở thuộc Liên đoàn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

3. Các tổ chức cơ sở do Liên đoàn thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên đoàn

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Liên đoàn thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính:
 - a) Nguồn thu của Liên đoàn:
 - Lệ phí gia nhập Liên đoàn, hội phí hàng năm của hội viên;
 - Thu từ các hoạt động của Liên đoàn theo quy định của pháp luật;
 - Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
 - Các khoản thu hợp pháp khác.
 - b) Các khoản chi của Liên đoàn:
 - Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Liên đoàn;
 - Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
 - Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Liên đoàn theo quy định của Ban Chấp hành, phù hợp với quy định pháp luật;
 - Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.
2. Tài sản: Tài sản của Liên đoàn bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Liên đoàn. Tài sản của Liên đoàn được hình thành từ nguồn kinh phí của Liên đoàn; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Liên đoàn

1. Tài chính, tài sản của Liên đoàn chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Liên đoàn.
2. Tài chính, tài sản của Liên đoàn khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Liên đoàn ban hành quy chế sử dụng tài chính, quản lý tài sản của Liên đoàn đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên đoàn.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Liên đoàn có thành tích xuất sắc được Liên đoàn khen thưởng hoặc được Liên đoàn đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Liên đoàn đảm bảo theo quy định pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 26. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Liên đoàn vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, Quy định, Quy chế hoạt động của Liên đoàn thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Liên đoàn.

2. Ban Chấp hành Liên đoàn quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Liên đoàn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Liên đoàn.

Điều 27. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và pháp luật.

2. Ban Kiểm tra thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn; báo cáo kết quả giải quyết với Ban Chấp hành. Quyền quyết định cao nhất thuộc về Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành có trách nhiệm xây dựng Quy chế giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Liên đoàn phù hợp với Điều lệ Liên đoàn, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

Chương VIII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn**

Chỉ có Đại hội Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Liên đoàn phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội gồm 08 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều, đã được Đại hội thành lập Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội nhiệm kỳ I (2023 - 2028) thông qua ngày 09 tháng 4 năm 2023 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND Thành phố phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Liên đoàn, Ban Chấp hành Liên đoàn Karatedo thành phố Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

